

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2
ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2026/DS-ST

Ngày: 10/4/2026

V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Thanh Tùng.

2. Ông Phan Văn Duy.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Hồ Võ Anh Thy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa:* không tham gia.

Ngày 10 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 873/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2025 về tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 170/2026/QĐXXST-DS ngày 06/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 194/2026/QĐST-DS ngày 23/3/2026 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1983.

Số CCCD: 082183012586 cấp ngày 22/11/2021.

Địa chỉ: ấp H, xã V, tỉnh Đồng Tháp.

* *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1978.

Số CCCD: 082078021222 cấp ngày 30/06/2022.

Địa chỉ: ấp T, xã V, Đồng Tháp.

* *Người làm chứng:*

Bà Lê Thị Thu T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp T, xã V, Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà **Lê Thị Thu N** trình bày: Qua giới thiệu bạn bè nên ngày 06 tháng 3 năm 2025, bà **N** có cho ông **Nguyễn Văn M** vay số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), hai bên có lập hợp đồng vay tài sản và thế chấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 361, tờ bản đồ 11, diện tích là 994,4m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CN12014, loại đất trồng lúa nước, địa chỉ thửa đất tại **ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang (Nay là xã V, tỉnh Đồng Tháp)** tại **văn phòng C**. Có thỏa thuận lãi suất. Về lãi suất hai bên thỏa thuận lãi theo quy định pháp luật là 20%/năm, bên ông **M** có nghĩa vụ trả lãi cho bà **N** vào ngày 06 tây hàng tháng. Thời hạn hợp đồng vay là 06 tháng. Đến nay đã hết hạn hợp đồng nhưng ông **M** không đồng ý trả số tiền vốn gốc 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và lãi suất tính 1,66%/tháng từ ngày 06/3/2025 tạm tính đến ngày 06/3/2026 là 12 tháng = 19.920.000 đồng. Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà **Thu N** đồng ý trả lại cho ông **Nguyễn Văn M** 01 Giấy chứng nhận QSDĐ (bản chính) thửa đất số 361, tờ bản đồ số 11, diện tích 994,4m² theo Giấy chứng nhận số CN12014 cấp cho ông **Nguyễn Văn M** ngày 04/8/2023.

* Người làm chứng bà **Lê Thị Thu T** trình bày: Bà được biết em bà là chị **N** có cho ông **M** vay tiền là 100.000.000 đồng có làm hợp đồng công chứng chứng thực và ông **M** có thế chấp quyền sử dụng đất cho chị **N**. Bà **N** đưa tiền cho ông **M** có sự chứng kiến của bà, giao tiền tại nhà bà **T**. Ngoài ra bà trong trình bày gì thêm.

* Bị đơn ông **Nguyễn Văn M** từ khi Tòa án thụ lý đến nay, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông vẫn vắng mặt không rõ lý do và không trình bày ý kiến của mình.

* **Tại phiên tòa**, bà **Lê Thị Thu N** vẫn giữ y yêu cầu khởi kiện buộc ông **Nguyễn Văn M** hoàn trả tiền tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng), lãi tạm tính từ ngày 06/3/2025 đến ngày 06/3/2026 là 12 tháng = 19.920.000 đồng. Tổng cộng vốn lãi là 119.920.000 đồng (một trăm mười chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Bà **Thu N** đồng ý trả lại cho ông **Nguyễn Văn M** 01 Giấy chứng nhận QSDĐ (bản chính) thửa đất số 361, tờ bản đồ số 11, diện tích 994,4m² theo Giấy chứng nhận số CN12014 cấp cho ông **Nguyễn Văn M**, khi ông **M** trả tiền xong cho bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xem xét toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thu N** kiện ông **Nguyễn Văn M** phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà số tiền vay 100.000.000 đồng quy định tại Điều 463

Bộ luật dân sự và thuộc trường hợp được quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tòa án nhân dân Khu vực 2 tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định, ông Nguyễn Văn M vắng mặt không rõ lý do, do đó căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định.

[3] Qua lời trình bày tại các biên bản hòa giải, tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của người làm chứng, Hội đồng xét xử nhận thấy, do quen biết giới thiệu bà Thu N có cho ông Nguyễn Văn M vay số tiền 100.000.000 đồng, có làm hợp đồng vay và thế chấp tài sản có công chứng chứng thực ngày 06/3/2025 tại Văn phòng C số 001504 ngày 06/3/2025, có thỏa thuận lãi suất. Về lãi suất hai bên thỏa thuận lãi theo quy định pháp luật là 20%/năm, ông M có nghĩa vụ trả lãi cho bà N vào ngày 06 tây hàng tháng; thời hạn hợp đồng vay là 06 tháng, Ông M giao cho bà N giữ 01 giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất (bản chính) thửa đất số 361, tờ bản đồ số 11, diện tích 994,4m² theo Giấy chứng nhận số CN12014 cấp cho ông Nguyễn Văn M. Tuy nhiên đến thời hạn trả tiền ông M không thực hiện việc trả vốn cũng như tiền lãi mà tránh mặt không trả tiền đúng như cam kết. Việc không thực hiện đúng thỏa thuận của ông M đã làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà Lê Thị Thu N. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc ông M trả bà số tiền vay gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Đối với yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) lãi 1,66%/tháng tính từ 06/3/2025 tạm tính đến ngày 06/3/2026 là 12 tháng = 19.920.000 đồng (Mười chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng). Theo Hợp đồng vay và thế chấp tài sản ngày 06/3/2025 giữa bà N và ông M có thể hiện nội dung lãi suất do các bên đương sự thỏa thuận nhưng không vượt quá lãi suất qui định và trả lãi vào 06 dương lịch hàng tháng, bà N yêu cầu khởi kiện tính lãi suất 20%/năm, không vượt quá lãi suất theo qui định của pháp luật là 20%/năm. Do đó yêu cầu tính lãi suất của bà N là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Đối với ông Nguyễn Văn M vắng mặt không rõ lý do, không trình bày ý kiến và không cung cấp tài liệu chứng cứ để chứng minh ông không có nợ số tiền bà N, do đó cần buộc ông Nguyễn Văn M phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị Thu N tổng cộng vốn lãi là 119.920.000 đồng (một trăm mười chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên được hoàn tiền án phí bị đơn ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 36 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 463 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
- Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
- Căn cứ khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 án phí, lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Thị Thu N.**

1. Buộc ông **Nguyễn Văn M** phải có nghĩa vụ trả cho bà **Lê Thị Thu N** số tiền vốn lãi là 119.920.000 đồng (một trăm mười chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng). Thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp ông **Nguyễn Văn M** chậm thi hành án số tiền nêu trên thì phải trả tiền lãi tương ứng số tiền và thời gian chậm thi hành theo lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Bà **Lê Thị Thu N** tự nguyện trả lại cho ông **Nguyễn Văn M** 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) thửa đất số 361, tờ bản đồ số 11, diện tích 994,4m² theo Giấy chứng nhận số CN12014 cấp cho ông **Nguyễn Văn M** ngày 04/8/2023.

2. Về án phí: Ông **Nguyễn Văn M** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.996.000 đồng (năm triệu chín trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

Hoàn trả lại cho bà **Lê Thị Thu N** số tiền tạm ứng án phí là 1.117.000 đồng (một triệu một trăm mười bảy ngàn đồng) theo biên lai thu số 0010294 ngày 11/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà **N** được quyền kháng cáo, ông **Nguyễn Văn M** được quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo

qui định các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ánh H

Nơi nhận:

- TANDTĐT.
- VKSNDKV2.
- THADSTĐT.
- Các đương sự.
- Lưu.